TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2021/HNGĐ.ST
Ngày: **28/5/2021**
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Hưng
2. Ông Ngô Tàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C***: Bà Phạm Thị Cúc- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HN ngày 28/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Diệu B**; sinh năm: 1986. HKTT: 616D Tổ 2, Khu vực 1, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: I7-23 Đường Số N, Khu dân cư N, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông **Đinh Hoàng T**; sinh năm: 1986. HKTT: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: 616D Tổ 2, Khu vực 1, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Phạm Thị Diệu B trình bày*:**

Bà và ông Đinh Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình,

kinh tế gia đình ngày càng khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Bà đã cố gắn hàn gắn nhiều lần nhưng không thể khắc phục được nên vợ chồng ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

- *Về con chung*: có 02 con chung là Đinh Hoàng L (nam), sinh ngày: 07/02/2009 và Đinh Thế T1 (nam) sinh ngày 19/8/2014. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không có yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đinh Hoàng T vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị**:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy: bà B và ông T đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà B được ly hôn với ông T.

+ *Về con chung*: có 02 con chung là Đinh Hoàng L (nam), sinh ngày: 07/02/2009 và Đinh Thế T1 (nam) sinh ngày 19/8/2014. Do ông T vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay thể hiện nguyện vọng nuôi con nên để ổn định việc chăm sóc, giáo dục con, đề nghị giao 02 con cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

+ *Về tài sản chung và nợ:* do ông T vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Diệu B và ông Đinh Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau. Tuy

nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, giữa hai bên không không còn quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà B yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay thể hiện sự mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại. Ngoài ra, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay đã lâu nhưng ông T vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà B được ly hôn với ông T là phù hợp.

[3] *Về con chung:*

*C*ó 02 con chung là Đinh Hoàng L (nam), sinh ngày: 07/02/2009 và Đinh Thế T1 (nam) sinh ngày 19/8/2014, hiện do bà B đang nuôi dưỡng.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đinh Hoàng T vắng mặt, không đưa ra văn bản hay thể hiện ý chí, nguyện vọng muốn nuôi con; do đó, để tạo điều kiện cho con phát triển ổn định về mặt tinh thần, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con được thuận tiện; cần chấp nhận yêu cầu của bà B, giao hai con cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Do bà Phạm Thị Diệu B không yêu cầu ông Đinh Hoàng T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Đinh Hoàng T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:*

Do ông Đinh Hoàng T vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Diệu B phải chịu **300.000đ** án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Diệu B.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: cho bà Phạm Thị Diệu B được ly hôn với ông Đinh Hoàng T.

2. **Về con chung**: Có 02 con chung là Đinh Hoàng L (nam), sinh ngày: 07/02/2009 và Đinh Thế T1 (nam) sinh ngày 19/8/2014. Giao hai con cho bà Phạm Thị Diệu B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Phạm Thị Diệu B không yêu cầu ông Đinh Hoàng T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Đinh Hoàng T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ**: Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Phạm Thị Diệu B phải chịu **300.000đ** án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp **300.000đ** theo biên lai số 006553 ngày 07/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà B đã nộp xong án phí.

5. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THADS Q. C.
- UBND xã H, H. M, Sóc Trăng.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang